

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 30-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Mai Thanh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 25/9/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh B, sinh năm 1987; Tên gọi khác: L; Nơi sinh: Huyện B, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Lê Thị T, sinh năm 1959; Vợ, con: Chưa có; Có 01 người chị sinh năm 1981; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ và phụ giúp gia đình. Ngày 02/7/2004, bị UBND huyện Ba Tri áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 06/7/2006 thì chấp hành xong về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội. Ngày 01/3/2018, bị Công an thị trấn Ba Tri xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 02/5/2018 tiếp tục bị Công an thị trấn Ba Tri xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị bắt truy nã và tạm giữ ngày 09/7/2018, đến ngày 12/7/2018 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri cho đến nay. (có mặt)

- Bị hại: Đào Văn N, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp ML, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cao Tấn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp AP, xã AB, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Người làm chứng:

1. Cao Tấn R, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp AP, xã AB, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Trương Thị P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp AH, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre

3. Võ Thị Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp AH, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre

4. Nguyễn Bảo C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp AH, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28/02/2018, Nguyễn Thanh B đi ngang nhà chị Trương Thị P - sinh năm 1982 ở ấp AH, xã AT (B – Bến Tre) thì thấy chiếc xe mô tô biển số 71F2 - 7793 của anh Đào Văn N – sinh năm 1966 ngụ ấp ML xã M (B – Bến Tre) gửi tại nhà của chị P nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, B lên vào nhà lấy chiếc xe mô tô dẫn ra ngoài rồi khởi động máy chạy đến bán cho Cao Tấn T (Rul) – sinh năm 1990 ngụ ấp AP, xã AB (B – Bến Tre) giá 1.000.000 đồng. Sau đó, B tiêu xài cá nhân hết 400.000 đồng, còn chiếc xe thì T tháo rời bị Cơ quan điều tra phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 71F2 – 7793, số máy C70E-5030661, số khung C70 - 6430654 cùng các bộ phận bị tháo rời gồm biển số, chụp đèn trước, bóng đèn trước, bộ phận giảm thanh do Cao Tấn R (anh ruột Cao Tấn T) giao nộp được

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Ba Tri định giá là 8.000.000 đồng; đã xử lý giao trả cho Đào Văn N

- 01 chìa khoá xe mô tô do anh Đào Văn N giao nộp; đã xử lý trả lại cho anh N.

- Số tiền mặt 600.000 đồng do Nguyễn Thanh B giao nộp; chưa xử lý.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSHBT ngày 21/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre truy tố Nguyễn Thanh B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Thanh B đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông Đào Văn N như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bị hại Đào Văn N không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào do đã nhận lại được tài sản. Về trách nhiệm hình sự, ông N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Tấn T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng mà T đã trả cho bị cáo để mua xe.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thanh B về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thanh B từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đào Văn N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo bồi thường và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Tấn T không yêu cầu bị cáo trả lại 1.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Ghi nhận cơ quan CSĐT công an huyện Ba Tri đã giao trả 01 xe mô tô biển số 71F2 – 7793, số máy C70E-5030661, số khung C70 - 6430654 cùng các bộ phận bị tháo rời gồm biển số, chụp đèn trước, bóng đèn trước, bộ phận giảm thanh cùng 01 chìa khoá xe mô tô cho anh Đào Văn N.

- Về các biện pháp tư pháp khác:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh B do T không yêu cầu bị cáo trả lại và B không nhận lại.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thanh B là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Nguyễn Thanh B đã có hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 71F2 – 7793 trị giá 8.000.000 đồng của anh Đào Văn N để bán lấy tiền tiêu xài. Sự việc xảy ra vào khoảng 13 giờ ngày 28/02/2018 tại ấp AH, xã AT (B – Bến Tre). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự

trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng do có hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong, bị cáo lại có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi này. Sau những lần bị xử phạt hành chính, bị cáo chẳng những không cải sửa bản thân mà tiếp tục chạy ì lao động, sẵn sàng vi phạm pháp luật chỉ để thỏa mãn nhu cầu bản thân. Quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra và bị bắt theo lệnh truy nã. Điều đó cho thấy bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm bị cáo bằng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Tấn T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng mà Thanh đã bỏ ra mua xe từ bị cáo. Xét sự tự nguyện trên đây là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[6] Đối với số tiền 600.000 đồng do bị cáo giao nộp, tại tòa bị cáo xác nhận đây là số tiền bán xe do trộm cắp mà có, bị cáo tự nguyện yêu cầu HĐXX tịch thu sung ngân sách nhà nước. Cao Tấn T cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng nên số tiền 600.000 đồng này sẽ được tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT công an huyện Ba Tri xử lý giao trả 01 xe mô tô biển số 71F2 – 7793, cùng các bộ phận bị tháo rời gồm biển số, chụp đèn trước, bóng đèn trước, bộ phận giảm thanh cùng 01 chìa khoá xe mô tô cho ông Đào Văn N. Xét việc xử lý giao trả các tài sản trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[8] Đối với Cao Tấn T có hành vi tiêu thụ xe trộm cắp mà có, nhưng do không đủ chứng cứ chứng minh Cao Tấn T phạm tội nên việc cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Ba Tri không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;
Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 09 (Chín) tháng tù.
Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 09/7/2018.
3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Đào Văn N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo bồi thường và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Tấn T không yêu cầu bị cáo trả lại 1.000.000 đồng.
4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Ghi nhận cơ quan CSĐT công an huyện Ba Tri đã giao trả 01 xe mô tô biển số 71F2 – 7793, số máy C70E-5030661, số khung C70 - 6430654 cùng các bộ phận bị tháo rời gồm biển số, chụp đèn trước, bóng đèn trước, bộ phận giảm thanh cùng 01 chìa khoá xe mô tô cho ông Đào Văn N.
5. Về các biện pháp tư pháp khác:
Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Thanh B theo biên lai thu tiền số 0005290 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.
5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;
Bị cáo Nguyễn Thanh B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- **UBND TT. B** (B, Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tấn Tài